



NHẬN XÉT CHUNG
Cơ sở hạ tầng (CSHT) của TP.HCM đã cũ nhiều và cần được sửa chữa, bảo trì. Trong 20 năm qua, CSHT mới xây không được bao nhiêu, mặc dù dân số TP thì tăng hơn 50% (trên 1,5 triệu người). Một số kỹ sư có năng lực đã lên kế hoạch sơ bộ nâng cấp và phát triển mạng lưới cầu đường, ống thoát nước, sản xuất và tải điện, cung cấp nước, cảng, sân bay và điện thoại. Tổng kinh phí cho các dự án chắc chắn sẽ là vài tỷ đô-la Mỹ. Để có thể thay thế và bổ sung CSHT hiện đã xuống cấp trầm trọng, những dự án này phải được hoàn thành trong vòng 10 năm tới.

Nhiều người hy vọng rằng những dự án này sẽ được tài trợ bằng tín dụng và viện trợ không hoàn lại của nước ngoài. Dù sao, đó cũng từng là nguồn tài trợ việc xây dựng đa số CSHT vào những năm 1963-1973. Tuy nhiên chuyện này khó có thể lặp lại. Tổng số viện trợ cho cả nước có thể là 1 tỷ đô-la Mỹ/năm, và TP.HCM may lắm thì sẽ được 1/4 con số này, thậm chí có thể ít hơn. Ngoài ra, việc trả nợ cũ cũng sẽ chiếm một phần tiền của những khoản cho vay và viện trợ mới, do vậy, nguồn vốn mới thực tế chỉ bằng khoảng 2/3 con số ước tính trên. Theo ước tính sơ bộ, TP.HCM chỉ có thể sử dụng viện trợ và tín dụng nước ngoài ở mức từ 100 đến 200 triệu đô-la Mỹ/năm. Con số này chỉ tạm đủ để tài trợ cho sự phát triển của ngành điện mà thôi. Rõ ràng phải sử dụng phí thu từ dịch vụ và vốn tự gây làm nguồn vốn đầu tư chính.

Một nguồn tài trợ khác là vốn của tư nhân nước ngoài. Đối với những đề án như xây dựng hệ thống điện thoại, đây có thể là nguồn vốn thích hợp. Tuy nhiên, các nhà đầu tư tư nhân nước ngoài luôn đòi hỏi một mức lãi suất khá

CƠ SỞ HẠ TẦNG TP. HCM DƯỚI MẮT NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

DAVID DAPICE

LTS : Ông David Dapice, giáo sư thuộc Viện Phát triển quốc tế của Đại học Harvard (Mỹ) đã đến thăm Việt Nam vào tháng 1.1993, sau đó ông có ghi chép những nhận xét của mình về chuyến đi này. Tạp chí PTKT trích đăng phần nhận xét của ông về cơ sở hạ tầng và những giải pháp "đề" cho vấn đề này tại thành phố Hồ Chí Minh để bạn đọc tham khảo. Tựa bài do toà soạn đặt.

cao so với mức lãi suất của tín dụng viện trợ. Người đầu tư nước ngoài cũng luôn đòi được đảm bảo là mọi đối tượng sử dụng dịch vụ của họ đều phải trả phí và phải trả bằng ngoại tệ, để còn dùng ngoại tệ mua trang thiết bị, phụ tùng thay thế, trả lương cho chuyên viên kỹ thuật và cán bộ quản lý nước ngoài, và thu lợi nhuận. Nếu cơ chế hoàn vốn chưa được cải tổ thì khả năng sử dụng vốn tư nhân để đầu tư vào những dự án CSHT sẽ còn hạn chế.

Vậy thì, vấn đề huy động vốn nội bộ khúc mắc ở chỗ nào? Vấn đề cơ bản ở đây là người dân không quen phải trả tiền để được sử dụng một vài loại dịch vụ CSHT đòi hỏi vốn đầu tư xây dựng rất cao, chẳng hạn như cầu và đường sá. Vì vậy, người tiêu thụ thường chỉ được cung cấp dịch vụ với chất lượng thấp và cũng chỉ phải trả phí rất thấp, ví dụ như dịch vụ cung cấp điện hoặc dịch vụ chuyên chở bằng xe buýt. Đòi

khí giá dịch vụ cũng chính xác hoặc thậm chí cao, nhưng lúc ấy người tiêu thụ lại cố trốn không trả tiền, chẳng hạn như tiền nước. Nói chung, nhà nước chỉ mới thu được một phần khoản tiền cần thiết để có thể bảo dưỡng những loại hình dịch vụ hiện có, chứ chưa đủ để nói đến phát triển thêm. Trong khi đó ngân sách quốc gia chỉ có hạn, nên cuối cùng người dân phải sống trong điều kiện thiếu điện và nước, đường sá xuống cấp, phương tiện chuyên chở công cộng thì gần như không có, hệ thống thoát nước, phương tiện sân bay và hải cảng lạc hậu, kém cỏi. Thông thường, các nước đều dựa vào quỹ phát triển của ngân sách và tín dụng viện trợ để xây dựng những loại hình dịch vụ CSHT này.

Hiện tượng người dân không chịu đóng thuế cũng có lý do của nó. Phần lớn nguồn thu từ thuế (từ 1/2 đến 2/3) không được giữ lại thành phố mà phải nộp cho Trung ương. Có tăng giá phí dịch vụ công cộng thì doanh nghiệp Nhà nước lại phải trả thuế cao hơn, chứ không có nghĩa là nguồn vốn nội bộ để đầu tư sẽ dồi dào hơn. Đứng về góc độ quyền lợi cả nước, thì điều này không phải là sai, nhất là khi khoản tiền này sử dụng có hiệu quả. Ví dụ như ta có thể sử dụng để giúp những địa phương rất khó khăn, nếu không, sẽ có một làn sóng di dân tràn vào TP từ những địa phương đó (mặc dù làn sóng di dân đó là bất hợp pháp, TP.HCM và Hà Nội không thể xua đuổi hàng triệu lao động nông nghiệp trẻ, sống vất vưởng tại quê nhà và lên TP để tìm cuộc sống mới). Nếu nguồn thu từ thuế được sử dụng đúng mức để phát triển nông thôn thì hiện tượng di dân ra TP sẽ giảm dần. Lúc đó, dân số TP.HCM sẽ tăng một cách vừa phải và dễ quản lý hơn. Tuy nhiên, ở thời điểm này, người dân TP.HCM cảm thấy họ có trả thuế và phí cao hơn thì chất lượng các dịch vụ công cộng họ đang sử dụng cũng sẽ không khác gì hơn.

Do vậy, họ tìm cách tự đáp ứng nhu cầu bằng những giải pháp riêng của mình. Tuy nhiên, có những loại hình dịch vụ mà nếu người dân tự tìm cách cung cấp cho riêng mình thì sẽ rất tốn kém hoặc thậm chí, có muốn cũng không thể tự làm được. Nếu không có điện thì có thể mua máy điện nhỏ, nhưng phải tốn tiền mua, rồi chịu đựng tiếng ồn, ô nhiễm và tiền mua dầu khoảng hơn 1.000 đồng VN/kw-giờ. Nhưng nếu muốn dùng đường sá tốt thì không thể nào tự mua được. Tự đun nước hay mua nước đóng chai thì đắt so với mua nước từ vòi nước công cộng hay từ một đường ống chung. Tương tự như vậy, một gia đình sống ở TP không thể nào tự tạo được hệ thống thoát nước đầy đủ riêng cho mình. Dịch vụ y tế và giáo dục tư nhân cũng sẽ có hiệu quả cao hơn nếu được sự hỗ trợ của Nhà nước. Nói chung, tự tưởng ngàn

ai không muốn hợp tác với Nhà nước đặc biệt là với việc đầu tư cho tiện nghi công cộng sẽ đưa đến hậu quả là người dân sẽ không có đủ phương tiện dịch vụ để sử dụng hoặc là phải trả một mức phí rất đắt.

Tư tưởng không muốn đóng thuế và phí dịch vụ công cộng được biểu hiện dưới nhiều hình thức. Hiện nay như người dân không phải đóng bất cứ một loại phí cầu phà nào, cho dù thể dùng nguồn thu này để tài trợ việc nâng cấp hệ thống đường sá, 40% công nước máy được cung cấp lại bị thất thoát vì đường ống rò rỉ, đồng hồ phá vỡ hoặc ống nước bị chột thủng nước khi tới đồng hồ đo, lượng điện thất thoát thì cũng thấp hơn nhưng cũng trên 20%. Những doanh nghiệp tư nhân cố kéo mức thuế của mình xuống bằng cách không đăng ký chính nước, tránh quan hệ với Nhà nước hoặc tương đương mức thuế phải trả với ngân bộ thu thuế. Mức giá phí dịch vụ thì thường quá thấp nên thường không bù đắp hoặc không phản ánh đúng giá trị phí. Nhìn một cách tổng quát, hiện nay gần như không lĩnh vực nào có khả năng thu đủ để bù chi, và vì vậy, dĩ nhiên là không thể có khả năng tích lũy vốn để đầu tư mở rộng.

Lấy việc tăng mức thuế và phí dịch vụ công cộng làm giải pháp cũng chưa chắc đã ổn, vì những bước này thường không được lòng dân, và trong điều kiện cơ chế hiện nay, cũng chưa chắc gì đã giải quyết được vấn đề SHT. Cần phải có một giải pháp hoàn toàn mới. Giải pháp đó phải tạo được trên cả thực tế lẫn trong ý thức của người dân trong mối liên quan trực tiếp giữa mức phí cao hơn và chất lượng dịch vụ tốt hơn. Có thể lấy mức giá điện, nước và xe buýt làm một vài thí nghiệm nhỏ. Ở châu Á làm cơ sở so sánh để định mức giá mới, nếu như sẽ phải sử dụng nguồn vốn trong nước (như thông lệ hiện hành) trang trải cho 1/3 tổng vốn đầu tư mới.

Về mức nộp thuế của địa phương cho trung ương, TP cần phải thảo luận thêm với Trung ương. Theo ước tính mới nhất, chỉ khoảng 10% thu nhập của toàn dân TP.HCM bị đánh thuế. Tỷ lệ này không tương xứng với quy mô của một đô thị đang phát triển. Giải pháp cơ bản là thương lượng với Trung ương để phần thuế thu được vượt chỉ tiêu được giữ lại TP nhằm cải thiện điều kiện sống tại đây. Nếu người dân thấy được rằng số thuế họ nộp cho Nhà nước (tất nhiên là sau khi đã trừ đi phần thuộc chỉ tiêu) sẽ mang lại những tiện nghi, dịch vụ mà họ cần, thì có thể họ sẽ sẵn sàng đóng thuế hơn. Sự sẵn sàng này sẽ càng rõ hơn nếu những dịch vụ công cộng ngày càng được cải tiến, và nếu các hình thức thu thuế có khả năng chống tệ nạn trốn thuế. Ta hãy lấy thí dụ thuế nhà đất. Sẽ rất dễ định thuế nhà nếu như tính khoản

thuế đó tương đương với một hay hai tháng tiền thuê nhà. Cho đăng công khai lên báo danh sách của các tòa nhà cho thuê kèm với khoản thuế nhà đất phải đóng sẽ làm cho mọi người thấy rõ ràng hệ thống định thuế là công bằng và hợp lý. Do tiền thuê nhà và giá đất ngày càng tăng, nguồn thu từ nhà đất này sẽ làm cho ngân quỹ thêm dồi dào.

Một khi người dân đã rõ là thuế và phí dịch vụ công cộng sẽ được dùng để cải thiện điều kiện sống tại chỗ, đồng thời việc định mức thuế được công bằng, thì chúng ta phải thúc đẩy nỗ lực thu thuế. Những bước khác cần phải làm là giảm bớt tỷ lệ thất thoát điện và nước, quy định đóng phí sử dụng những cầu lớn và đường lộ mới (mà người dân không phải sử dụng hàng ngày) và tăng vé xe buýt.

Dân số 5 triệu của TP.HCM có thể thu nhập đầu người lên đến 500 đô-la Mỹ/năm, tức là GDP của toàn TP là 2,5 tỷ đô-la Mỹ. Nhà nước có huy động đến 4% của khoản này đi nữa (vậy đã là cao), thì cũng chỉ được 100 triệu đô-la Mỹ/năm. Con số này gần ngang với tổng số chi của địa phương TP.HCM năm 1992! Vậy mà, phải cần ít nhất một số vốn đầu tư ngang bằng con số đó, thậm chí nhiều hơn nữa mới có thể nói đến việc Nhà nước và nhân dân đồng tài trợ những dự án đầu tư cần thiết. Phải có những dự trù thực tiễn về kinh phí và thời gian thực hiện mới tính được một cách chính xác những khoản cần thiết để đầu tư cho dịch vụ công cộng trong vòng 5 đến 10 năm tới. Sau đó mới đến khâu tìm vốn tài trợ từ nguồn trong nước, viện trợ hay đầu tư của tư nhân nước ngoài.

NHỮNG GIẢI PHÁP "DỄ" CHO VẤN ĐỀ CƠ SỞ HẠ TẦNG

Cho tới đây, bài viết này đã giả định rằng xây dựng hệ thống đường mới, phát triển mạng lưới điện, nước... là cách duy nhất để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng. Thực ra, đó không phải là giải pháp duy nhất. Có một giải pháp khác là tìm cách đáp ứng nhu cầu bằng một loạt chính sách hạn chế mức sử dụng nước hay điện, hoặc cầu, đường. Ví dụ như:

1. Quy hoạch vùng và sử dụng đất

Thông qua việc quy định chiều cao tối đa của những nhà cao tầng, địa điểm xây cất và mục đích sử dụng, chúng ta có thể kiểm soát được lưu lượng giao thông và tránh tắc nghẽn. Những thành phố như Bangkok đã đầu tư hàng tỷ đô-la Mỹ vào hệ thống đường lộ, nhưng bên cạnh đó hoàn toàn không kiểm soát được chính sách sử dụng đất của mình. Giờ đây họ đã rút ra được bài học rằng, xây dựng bao nhiêu đường mới cũng không đủ nếu

không có hạn chế về mục đích sử dụng. Đây là một kinh nghiệm mà TP.HCM vẫn còn thời gian để học và áp dụng.

2. Hệ thống xe buýt

Hiện nay ở TP.HCM hầu như không có một hệ thống xe buýt theo đúng nghĩa của nó để đáp ứng nhu cầu của người dân muốn sử dụng loại hình dịch vụ này. Ngày nay, rất ít thành phố trên thế giới với quy mô của TP.HCM mà chỉ dựa vào phương tiện di chuyển cá nhân, như xe gắn máy và xe đạp. Giá vé phương tiện di chuyển công cộng quá thấp, cộng với việc cho phép sử dụng xe cá nhân vô chừng mực đã làm cho hệ thống xe buýt gần như không còn tồn tại. Chính sách hiện hành cần phải được xem xét lại nhằm gia tăng đầu tư, cải thiện mức độ hoạt động và đa dạng hóa lộ trình xe buýt. Khi phương tiện công cộng được sử dụng nhiều hơn thì mỗi một giờ hệ thống đường sá hiện thời sẽ phục vụ được nhiều người hơn.

3. Giảm bớt nguồn gây ô nhiễm

Việc làm sạch những chất độc do các nhà máy thải vào không khí, đất, và nước là rất tốn kém. Nếu tìm được cách thay đổi quy trình sản xuất để giảm bớt chất độc thải ra sẽ giảm được những phí tổn này. Giải pháp bắt các nhà máy trả "thuế ô nhiễm môi trường" (nếu thực hiện được về mặt quản lý hành chính) cũng là cách thuyết phục họ không nên để phát sinh những vấn đề ô nhiễm môi trường mà sau này sẽ đòi hỏi nhiều tiền của để giải quyết.

4. Tiết kiệm năng lượng

Thông qua việc lựa chọn những công nghệ hữu hiệu hơn, như đèn ống, hoặc hệ thống cách nhiệt tốt hơn để bớt sử dụng máy điều hòa không khí hoặc thiết bị máy móc có hiệu quả hơn, thì mức điện cần để sản xuất sẽ bớt đi nhiều. Cũng có thể tiết kiệm nước dùng trong sản xuất bằng cách cho xử lý và tái sử dụng. Những biện pháp tiết kiệm này sẽ được mọi người tự giác nghĩ ra một khi giá điện và nước tăng lên, và nhờ vậy sẽ có thể giảm bớt vốn cần thiết để phát triển CSHT.

Với những giải pháp "nhẹ nhàng" này, mức đầu tư có thể khiêm tốn hơn mà tốc độ tăng trưởng vẫn có thể khá nhanh. Nên quy định lại giá cả sao cho thực tế hơn, thu phí nghiêm chỉnh, đồng thời áp dụng những biện pháp thực tiễn để giảm bớt nhu cầu của TP. Có như vậy mới thu hút được cả vốn viện trợ lẫn đầu tư tư nhân. Ngày nào thị trường chứng khoán địa phương được thành lập thì một số những công ty cung cấp dịch vụ công cộng có thể sẽ là những đơn vị đầu tiên có khả năng bán cổ phiếu. Chừng ấy nguồn vốn có được cũng sẽ dồi dào hơn ♣

TTT dịch

PHÁT TRIỂN KINH TẾ 17